TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
Về việc ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diền.

2. Bà Trần Thanh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **N**, sinh năm 1975;

2. Bị đơn: Anh **H**, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N trình bày:* Năm 1997 chị N và anh H sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị có hai người con chung là T, sinh năm 1996, giới tính nam, hiện nay đã trưởng thành và Y, sinh ngày 15/10/2006, giới tính nữ, hiện đang sống chung chị N. Trong quá trình sống chung, anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải. Nay chị N xin được ly hôn với anh H, con đã lớn có nguyện vọng theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị N trình bày không tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh H trình bày:* Anh chị cưới nhau và chung sống từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị có 02 người con chung như lời chị N trình bày. Anh thống nhất ly hôn, con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh chị không có tài sản và nợ chung.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Anh H và chị N cưới nhau năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Cháu Y có nguyện vọng sống với chị N, chị N và anh H thống nhất giao cháu Y cho chị N nuôi dưỡng nên đề nghị ghi nhận. Không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N và anh H không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 1997 chị N và anh H cưới nhau theo phong tục tập quán, sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị N và anh H. Theo đó, chị N và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng khi ly hôn: Chị N và anh H có 02 người con chung là T, sinh năm 1996, hiện nay đã trưởng thành và Y, sinh ngày 15/10/2006. Y chưa thành niên, còn đi học, có nguyện vọng sống với chị N; chị N và anh H thỏa thuận giao cháu Ycho chị N nuôi dưỡng. Thấy rằng chị N có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cháu Y cho chị N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Y. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh H đều khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị N phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị N và anh H.

2. Về con chung: Giao cháu Y cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm: Chị N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006183 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận